

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1LAW52201

Môn thi: **Luật so sánh (II)**

Mã ca thi: **THI195225**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **01/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201120002	Vũ Ngọc	Bảo	17/07/1976						
2	201120003	Nguyễn Võ Trọng	Danh	09/01/1997						
3	201120007	Dương Hồng	Duyên	19/08/1992						
4	201120006	Nguyễn Thanh	Đức	09/10/1991						
5	201120005	Trịnh Trần Minh	Đức	21/12/1995						
6	201120008	Trần Thu	Hà	13/11/1995						
7	201120009	Hoàng Thị Mai	Hằng	17/07/1974						
8	201120010	Hà Nguyễn Thu	Hiền	18/05/1995						
9	201120011	Nguyễn Hồng	Huy	09/06/1997						
10	201120014	Huỳnh Phúc	Khang	15/11/1992						
11	201120013	Trần Tuấn	Khang	17/09/1998						
12	201120015	Nguyễn Thị Hồng	Lê	04/07/1995						
13	201120019	Lê Duy	Lượng	20/01/1985						
14	201120020	Lữ Văn	Mới	16/12/1994						
15	201120021	Phạm Thị Hà	My	03/12/1995						
16	201120022	Bùi Thị Thu	Ngân	13/07/1977						
17	201120023	Nguyễn Nguyên	Nghi	28/08/1997						
18	201120024	Lê Hữu	Nghĩa	10/06/1987						
19	201120025	Phạm Trương Khánh	Ngọc	11/09/1994						
20	201120026	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	18/05/1982						
21	201120028	Lê Ngọc	Phong	20/08/1986						
22	201120027	Phan Thanh	Phong	09/04/1978						
23	201120029	Mạc Minh	Quân	11/03/1979						
24	201120030	Trần Hoàng	Thịnh	06/05/1987						
25	192120049	Võ Mai Như	Trang	14/12/1996						
26	201120035	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/03/1992						
27	201120039	Hoàng Quốc	Tuấn	12/11/1969						
28	201120038	Phạm Việt	Tuấn	14/07/1993						
29	201120040	Nguyễn Quang	Vinh	16/09/1963						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1QCQP01

Môn thi: **Quản trị các tổ chức công**

Mã ca thi: **THI195228**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **04/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211116001	Trần Nguyễn Ngọc	Hạnh	03/10/1982						
2	211116002	Trần Thị Khánh	Ngà	02/09/1990						
3	211116006	Vannaseng	Nittaphone	07/05/1979						Nợ HP
4	211116004	Đoàn Thanh	Thủy	29/11/1984						
5	211116003	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/05/1990						
6	211116005	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18/04/1990						
7	211116007	Saiyasone	Saiyavong	13/02/1993						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21DIINT60300701

Môn thi: **Marketing quốc tế**

Mã ca thi: **THI195229**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **10/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201109001	Hồ Lê Trâm	Anh	11/06/1998						
2	201109002	Huỳnh Lê Phúc	Bảo	27/09/1998						
3	201109005	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	24/06/1994						
4	201109007	Nông Tuấn	Dũng	13/01/1992						
5	201109004	Nguyễn Thị Hồng	Đào	02/01/1997						
6	192109005	Trần Ngọc	Giao	06/07/1986						
7	201109008	Dương Thị Thanh	Hằng	18/03/1996						
8	201109009	Nguyễn Ngọc Trung	Hiền	04/01/1996						
9	201109010	Lê Đức	Hoàng	30/01/1995						
10	201109011	Lữ Thị Khánh	Huyền	24/06/1998						
11	192109015	Trương Thị Thùy	Liên	28/08/1990						
12	201109013	Trần Thế	Lương	07/05/1984						
13	201109014	Nguyễn Thị	Ly	25/11/1989						
14	201109015	Trần Thị Thanh	Ngân	19/12/1997						
15	201109017	Ngô Xuân Yển	Ngọc	12/11/1995						
16	201109018	Bùi Xuân	Nguyện	02/04/1984						
17	201109019	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	22/08/1997						
18	201109020	Trần Thị	Oanh	08/01/1998						
19	192109027	Nguyễn Thanh	Phong	30/11/1994						
20	201109021	Lê Thị Bích	Phượng	20/01/1989						
21	201109022	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	20/11/1997						
22	201109023	Nguyễn Thị Hồng	Sâm	14/03/1991						
23	201109024	Nguyễn Thị Điện	Sương	12/10/1998						
24	201109025	Bùi Minh	Tân	05/04/1993						
25	201109026	Huỳnh Duy	Tấn	24/06/1989						
26	201109029	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/04/1994						
27	201109028	Nguyễn Thu	Thảo	23/11/1991						
28	201109027	Trương Thị	Thảo	06/02/1990						
29	201109030	Phạm Minh Ngọc	Thư	22/11/1997						
30	201109033	Trương Phạm Khánh	Vân	12/11/1988						
31	201109035	Phan Huỳnh Khánh	Vy	17/09/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	192109049	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	01/09/1994						
33	201109036	Lê Thị Phi	Yến	31/12/1988						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1GLO60301601

Môn thi: **Marketing toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195231**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **10/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201110001	Phạm Ngọc	Dung	27/05/1993						
2	201110002	Đinh Trọng	Hữu	28/01/1992						
3	201110003	Nguyễn Thị Yên	Linh	08/07/1996						
4	201110004	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	17/08/1993						
5	192110014	Nguyễn Hữu Bá	Nam	20/10/1984						
6	201110005	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	13/04/1997						
7	201110007	Võ Duy Thiên	Phú	14/10/1982						
8	201110008	Hoàng Bá	Quyền	19/05/1984						
9	201110009	Võ Thị Diễm	Sương	26/06/1996						
10	201110010	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/1997						
11	201110012	Tô Phương	Thảo	22/07/1995						
12	201110011	Vũ Thị Thu	Thảo	08/09/1987						
13	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
14	201110014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	15/01/1993						
15	201110015	Ngô Á	Tiên	20/05/1997						
16	201110016	Đặng Ngọc	Trâm	30/06/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ECO60100301

Môn thi: **Kinh tế học**

Mã ca thi: **THI195280**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211113001	Nguyễn Thị Kim	Hồng	11/10/1990						
2	211113002	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/10/1987						
3	211113003	Phạm Xuân	Kiểm	28/09/1992						
4	211113004	Vũ Phước	Linh	16/11/1992						
5	211113005	Lê Thị Quý	Mến	10/02/1984						
6	211113006	Nguyễn La Diễm	Nhi	21/07/1992						
7	211113007	Cây Vĩnh	Phát	26/11/1991						
8	211113008	Nguyễn Lê	Phương	09/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN BỒI DƯỠNG 31.1
LỚP 21D1ECO60100301

Môn thi: **Kinh tế học**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	DT00011	Võ Hoàng	Trí	06/05/1985						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700603

Môn thi: **Kế toán quản trị cao cấp**

Mã ca thi: **THI195217**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114096	Lê Thị Hồng	Vân	14/08/1996						
2	202114090	Viên Ngọc Anh	Thy	22/08/1997						
3	202114001	Đỗ Thị Thúy	An	07/08/1996						
4	202114064	Nguyễn Hữu	Nhân	29/03/1993						
5	202114080	Phạm Thị Phương	Thanh	22/11/1997						
6	202114003	Tô Phạm Quế	Anh	23/04/1997						
7	202114067	Nguyễn Thị Yên	Nhi	18/03/1997						
8	202114012	Trần Quách Tuệ	Đông	19/12/1995						
9	202114011	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	18/03/1997						
10	202114087	Trần Thị Hà	Thu	20/03/1993						
11	202114042	Nguyễn Hoàng	Lâm	15/06/1986						
12	202114007	Võ Thị Ngọc	Bích	08/10/1989						
13	202114082	Vũ Hoàng Phương	Thảo	24/07/1996						
14	202114009	Hoàng Mạnh	Cường	25/04/1996						
15	202114061	Tô Bội	Ngọc	01/01/1987						
16	202114028	Trần Thị Kim	Hậu	21/10/1988						
17	202114058	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/12/1985						
18	202114037	Nguyễn Ngọc	Hùng	12/06/1969						
19	202114008	Lê Thị Kim	Chung	05/07/1997						
20	202114034	Đinh Nữ Diệu	Hoài	17/03/1991						
21	202114027	Nguyễn Phúc	Hậu	28/08/1994						
22	202114004	Trần Thị Quỳnh	Anh	12/03/1995						
23	202114023	Nguyễn Thị Thu	Hằng	08/10/1997						
24	202114062	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	27/11/1994						
25	202114057	Trần Ngọc	Mỹ	04/04/1985						
26	202114002	Mai Bá Trường	An	18/01/1990						
27	202114079	Nguyễn Ngọc	Tâm	15/08/1987						
28	202114097	Trần Thanh	Vân	21/03/1983						
29	202114092	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	03/01/1989						
30	202114054	Lại Hoàng	Minh	19/08/1993						
31	202114047	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	01/12/1977						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114048	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	12/01/1994						
33	202114020	Nguyễn Nam Mỹ	Duyên	25/10/1994						
34	202114077	Đinh Thị Lê	Sa	19/07/1989						
35	202114081	Trần Thị Thu	Thảo	29/07/1992						
36	201114050	Đặng Thùy	Trang	04/08/1992						
37	202114065	Phan Hoàng	Nhật	04/11/1989						
38	202114085	Lưu Thị Thanh	Thảo	21/06/1996						
39	202114078	Đặng Hải	Son	25/12/1995						
40	202114031	Nguyễn Văn	Hiệp	25/10/1981						
41	192114085	Phạm Thảo	Tùng	15/11/1995						
42	202114030	Đỗ Thị	Hiền	01/08/1988						
43	202114013	Hồ Vũ Khánh	Dư	06/10/1987						
44	202114033	Nguyễn Thị	Hòa	13/05/1988						
45	202114063	Nguyễn Thị	Nhàn	24/10/1994						
46	202114053	Phạm Nhật	Minh	27/10/1996						
47	202114021	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/10/1988						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CADV60700601

Môn thi: **Kế toán quản trị cao cấp**

Mã ca thi: **THI195218**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **15/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202114100	Võ Thị Trường	Vy	31/05/1993						
2	202114056	Trần Thị	Mộng	14/06/1989						
3	202114022	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	10/12/1987						
4	202114045	Phạm Phú Phương	Linh	20/11/1996						
5	202114099	Tiêu Hoàng	Vũ	07/01/1983						
6	202114039	Nguyễn Thị Kim	Hường	17/06/1994						
7	202114059	Huỳnh Hà Bảo	Ngọc	27/10/1993						
8	202114098	Nguyễn Thị Tường	Vi	24/12/1990						
9	202114060	Nguyễn Thị	Ngọc	20/01/1997						
10	202114089	Hoàng Thị Bích	Thủy	29/05/1985						
11	202114086	Phạm Tạ Thu	Thâu	10/01/1984						
12	202114091	Võ Thị Đức	Toàn	10/05/1994						
13	202114019	Trần Khánh	Duy	30/04/1993						
14	202114041	Nguyễn Văn	Huy	23/06/1998						
15	202114026	Đào Văn	Hảo	31/01/1987						
16	202114084	Trần Thị Thu	Thảo	02/06/1991						
17	202114093	Quách Thị Thùy	Trang	17/03/1995						
18	202114068	Hoàng Thị Hồng	Nhung	22/08/1996						
19	202114029	Lê Trần Thanh	Hiền	02/02/1993						
20	202114014	Trần Thị Hồng	Đức	06/08/1995						
21	202114017	Nguyễn Thanh	Duy	02/02/1996						
22	202114071	Nguyễn Thị Thanh	Phương	22/12/1994						
23	202114101	Đặng Ngọc Thảo	Yên	23/04/1992						
24	202114015	Nguyễn Thị Khánh	Dung	04/08/1988						
25	202114044	Trịnh Thị Trúc	Linh	26/05/1994						
26	202114051	Hồ Thị Ngọc	Mai	07/01/1987						
27	202114088	Tôn Nữ Anh	Thư	19/11/1997						
28	202114072	Nguyễn Lê Minh	Phương	22/12/1980						
29	202114094	Hoàng Nguyễn Quốc	Trí	06/11/1997						
30	202114046	Nguyễn Thị Thùy	Linh	29/03/1989						
31	202114038	Lê Thị	Hương	22/12/1994						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202114066	Phan Thảo	Nhi	21/02/1998						
33	202114073	Danh Sơn Ngọc	Phuong	24/10/1995						
34	202114083	Tạ Thị Thanh	Thảo	13/12/1981						
35	202114024	Đoàn Thị	Hằng	10/05/1995						
36	202114040	Trịnh Đức	Huy	28/01/1994						
37	192114049	Hồ Thị Diễm	Phượng	18/06/1995						
38	202114049	Nguyễn Thị	Lộc	14/12/1992						
39	202114010	Nguyễn Thị	Đảm	12/01/1994						
40	202114069	Nguyễn Thị Kim	Nhung	24/10/1986						
41	201114027	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/01/1976						
42	202114074	Văn Thị Thanh	Phuong	28/02/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60202401

Môn thi: **Tài chính cho nhà quản trị**

Mã ca thi: **THI195235**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **18/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107011	Đồng Thị Như	Anh	02/02/1980						
2	211107004	Nguyễn Minh Quốc	Anh	13/04/1997						
3	211107010	Trần Thị Vân	Anh	09/05/1988						
4	211107002	Cao Nhật	Ân	14/04/1997						
5	211107018	Võ Trọng	Bình	07/03/1993						
6	211107020	Nguyễn Bảo	Chân	13/06/1992						
7	211107024	Lê Quang	Công	10/01/1988						
8	211107036	Nguyễn Kim	Dung	23/04/1997						
9	211107044	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/05/1996						
10	211107039	Trần Đại	Dương	03/04/1986						
11	211107052	Nguyễn Đăng	Hải	31/05/1988						
12	211107057	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/08/1989						
13	211107056	Phạm Thị	Hạnh	23/11/1996						
14	211107064	Bùi Đức	Hậu	05/11/1996						
15	211107066	Nguyễn Công	Hậu	13/07/1995						
16	211107077	Nguyễn Thanh	Hiếu	27/06/1981						
17	211107072	Lê Huỳnh Ngọc	Hiệp	20/01/1998						
18	211107079	Trần Thị	Hòa	28/02/1991						
19	211107084	Nguyễn Văn	Huân	28/12/1987						
20	211107099	Nguyễn Phạm Ngọc	Huyền	07/11/1981						
21	211107092	Phạm Thị Ngọc	Hường	23/03/1989						
22	211107104	Ngô Đăng	Khoa	30/04/1994						
23	211107105	Thạch Minh	Khôi	02/06/1994						
24	211107107	Nguyễn Thị Bảo	Kim	12/08/1990						
25	211107109	Nguyễn Đại	Lâm	13/10/1998						
26	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
27	211107112	Nguyễn Hồng	Linh	19/09/1990						
28	211107115	Nguyễn Phước	Linh	06/05/1992						
29	211107119	Lê Nguyễn Hoàng	Luân	26/06/1984						
30	211107122	Nguyễn Trúc	Ly	29/04/1995						
31	211107124	Phan Thu	Lý	10/10/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107128	Phan Xuân	Mai	04/04/1996						
33	211107133	Nguyễn Thị Diễm	My	15/11/1990						
34	211107142	Đào Thị Kim	Ngân	14/12/1989						
35	201107086	Trần Khôi	Nguyên	02/10/1983						
36	211107158	Nguyễn Yến	Nhi	16/08/1999						
37	211107161	Bùi Thị Huỳnh	Như	11/11/1996						
38	211107169	Trần Văn	Phổ	08/12/1989						
39	211107174	Trần Kim	Phụng	12/08/1993						
40	211107184	Huỳnh Thị Trúc	Phương	22/09/1992						
41	211107181	Nguyễn Thị Trúc	Phương	25/11/1991						
42	211107177	Nguyễn Trần Hồng	Phước	26/05/1993						
43	211107194	Trương Thị Lệ	Quyên	16/06/1989						
44	211107199	Lê Thị Thanh	Tâm	26/09/1984						
45	211107200	Dương Công Nhật	Tân	29/09/1996						
46	211107209	Nguyễn Thị Thùy	Thanh	26/05/1989						
47	211107223	Vũ Ngọc	Thịnh	07/09/1987						
48	211107231	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	06/05/1997						
49	211107229	Nguyễn Trần Đà	Thư	09/08/1996						
50	211107240	Nguyễn Trung	Tín	12/08/1993						
51	211107248	Đôn Thụy Thùy	Trang	01/01/1991						
52	211107243	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	20/10/1997						
53	211107257	Phan Thanh	Trúc	29/07/1994						
54	211107267	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	29/10/1997						
55	211107268	Nguyễn Thanh	Tuất	06/08/1994						
56	211107269	Nguyễn Lê	Tùng	24/10/1994						
57	211107275	Tiên Tuyết	Vi	15/11/1998						
58	192107218	Nguyễn Anh	Vũ	09/10/1994						
59	211107282	Huỳnh Vũ Khánh	Vy	18/07/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60700201

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán** Mã ca thi: **THI195236**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **18/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114001	Nguyễn Thị	Biên	20/04/1985						
2	211114002	Phạm Ngọc Thiên	Chinh	18/08/1975						
3	211114005	Trần Thùy	Dung	11/05/1998						
4	211114007	Châu Minh	Dũng	06/05/1991						
5	211114009	Nguyễn Thị	Hằng	16/05/1985						
6	211114011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	07/09/1985						
7	211114015	Lê Mạnh	Huy	31/08/1988						
8	211114016	Nguyễn Xuân	Huy	20/03/1979						
9	211114017	Lê Thị	Huyền	22/08/1989						
10	211114013	Lê Thị Thanh	Hương	10/02/1984						
11	211114014	Trần Thu	Hường	12/11/1990						
12	211114018	Nguyễn Kim Hồng	Khuyên	25/10/1988						
13	211114020	Lý Ngọc	Lài	17/07/1987						
14	211114023	Nguyễn Hồ Vương	Miên	19/10/1998						
15	211114025	Nguyễn Bắc Tiến	Nam	20/08/1984						
16	211114026	Phan Thị Phương	Nam	04/03/1997						
17	211114029	Lê Thị	Nga	1980						
18	211114027	Nguyễn Thị	Nga	20/07/1989						
19	211114030	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	03/03/1998						
20	211114031	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/11/1998						
21	211114032	Trần Đại	Nghĩa	16/04/1998						
22	211114034	Phan Thị Thu	Nguyên	10/10/1990						
23	211114035	Tô Thùy Mỹ	Nguyên	02/06/1998						
24	211114042	Phạm Ngọc Việt	Phương	04/06/1988						
25	211114038	Trương Thị Khánh	Phương	05/06/1998						
26	211114044	Phạm Thị Phương	Quỳnh	13/03/1996						
27	211114046	Võ Ngọc	Thanh	21/04/1988						
28	211114049	Nguyễn Quốc	Thịnh	25/09/1970						
29	211114051	Hồ Phùng Diễm	Thúy	01/11/1987						
30	211114056	Lê Ngọc Thảo	Trang	30/04/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211114055	Nguyễn Hương	Trang	02/08/1997						
32	211114054	Quách Tú	Trân	01/12/1991						
33	211114053	Võ My Uyển	Trân	30/09/1996						
34	211114058	Bùi Lê Quốc	Trung	06/03/1983						
35	211114057	Nguyễn Châu Thủy	Trúc	28/01/1998						
36	211114060	Nguyễn Võ Như	Uyên	03/12/1991						
37	211114061	Phạm Thị	Việt	27/02/1988						
38	211114064	Phạm Thị Quỳnh	Vy	28/01/1998						
39	211114066	Đàm Thanh	Xuân	04/02/1993						
40	211114067	Dương Nguyễn Kim	Yến	26/11/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ECOH51101

Môn thi: **Nhập môn dịch tễ học**

Mã ca thi: **THI195237**

Thời gian thi:

Giờ thi: **09g00**

Ngày thi: **18/09/2021**

Phòng thi: **BOX-01**

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211103001	Phan Vũ	Anh	17/07/1985						
2	211103002	Giang Thị Ngọc	Châu	16/03/1995						
3	211103004	Trần Thị Hương	Giang	10/10/1995						
4	211103005	Nguyễn Trung	Hiếu	24/06/1986						
5	211103006	Nguyễn Thanh	Hương	25/12/1973						
6	211103007	Nguyễn Thị Xuân	Hương	06/01/1990						
7	211103008	Trần Trí	Kiên	09/11/1986						
8	211103009	Lê Thùy	Linh	17/09/1994						
9	211103010	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/12/1993						
10	211103011	Trần Hồng Bảo	Ngọc	16/12/1991						
11	211103012	Huỳnh Lê Lưu	Phú	19/01/1990						
12	211103013	Lê Thị	Thảo	03/03/1993						
13	211103015	Phan Thị	Thom	09/01/1989						
14	211103016	Võ Chí	Thương	17/03/1996						
15	211103017	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/05/1992						
16	211103018	Trần Ngọc Như	Trang	23/07/1991						
17	211103019	Phạm Nữ Hiền	Vân	29/09/1989						
18	211103020	Bùi Quốc	Việt	15/07/1987						
19	211103021	Phạm Thị	Yến	06/05/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60202402

Môn thi: **Tài chính cho nhà quản trị**

Mã ca thi: **THI195238**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107006	Nguyễn Hoàng	Anh	28/01/1990						
2	211107007	Nguyễn Vũ Mỹ	Anh	01/04/1996						
3	211107012	Lê Thị Ngọc	Ánh	13/07/1994						
4	211107017	Hứa Chấn	Bảo	01/09/1994						
5	211107016	Phạm Trần Xuân	Bảo	22/06/1993						
6	211107015	Phan Trọng	Bách	14/01/1992						
7	211107014	Nguyễn Việt	Bắc	30/12/1998						
8	211107019	Nguyễn Thị	Bình	27/04/1994						
9	211107027	Nguyễn Duy	Cường	09/07/1998						
10	211107035	Trần Thị	Dung	16/12/1995						
11	211107043	Trần Võ Khắc	Duy	30/12/1995						
12	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
13	211107045	Nguyễn Ngọc Tú	Em	28/02/1992						
14	211107060	Trần Thị Hồng	Hạnh	30/03/1997						
15	211107058	Võ Hiếu	Hạnh	30/09/1997						
16	211107065	Tô Lâm	Hậu	03/08/1998						
17	211107070	Huỳnh Thị	Hiền	15/07/1983						
18	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
19	211107098	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/1989						
20	211107101	Nguyễn Thị Như	Huyền	10/01/1998						
21	211107089	Tô Trịnh Bảo	Hưng	15/09/1989						
22	211107093	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/09/1975						
23	211107094	Phạm Trọng	Hữu	25/01/1990						
24	202107084	Đỗ Ngọc Yến	Khanh	07/09/1986						
25	211107114	Lê Hoàng Ly	Linh	16/02/1992						
26	211107117	Huỳnh Trọng	Lợi	20/06/1987						
27	211107126	Hồ Nguyễn Xuân	Mai	08/06/1995						
28	211107134	Nguyễn Huy Khánh	Nam	28/09/1992						
29	211107136	Quách Khánh	Nam	08/09/1996						
30	211107144	Đinh Thị Hồng	Ngân	15/12/1994						
31	211107139	Lê Thị Kim	Ngân	13/04/1997						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107148	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/11/1998						
33	211107163	Lê Huỳnh	Như	26/07/1995						
34	211107171	Phùng Thị Hồng	Phúc	31/10/1995						
35	211107180	Dương Thị Minh	Phương	22/11/1986						
36	211107178	Lê Trọng	Phước	19/05/1989						
37	211107190	Nguyễn Mạnh	Quân	24/04/1996						
38	211107196	Huỳnh Ngọc	Quỳnh	27/07/1980						
39	211107198	Nguyễn Phước	Sang	18/07/1985						
40	211107217	La Hồng Phương	Thảo	17/01/1998						
41	211107212	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	03/08/1993						
42	211107218	Phạm Diệp Phước	Thảo	01/04/1998						
43	211107219	Trần Thị Thanh	Thảo	15/04/1993						
44	211107201	Trịnh Quốc	Thái	30/12/1988						
45	211107220	Bùi Thanh	Thị	24/02/1994						
46	211107225	Nguyễn Văn	Thông	24/09/1991						
47	211107228	Lưu Trung Hồng	Thư	14/10/1988						
48	211107251	Lê Thị Huyền	Trang	04/08/1994						
49	211107252	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/10/1985						
50	211107244	Nguyễn Băng	Trâm	02/02/1998						
51	211107246	Nguyễn Trần Khánh	Trân	21/11/1996						
52	211107245	Hạp Thị Ngọc	Trâm	29/07/1994						
53	211107254	Hồ Thị Thùy	Trinh	13/08/1994						
54	202107192	Huỳnh Thị Thảo	Trinh	18/06/1991						
55	211107259	Lê Đan	Trường	26/09/1999						
56	211107266	Lê Minh	Tú	20/09/1998						
57	211107263	Nguyễn Hoàng	Tú	31/05/1997						
58	211107262	Nguyễn Khả	Tú	02/02/1994						
59	211107273	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	23/05/1994						
60	211107279	Nguyễn Thiên	Vũ	27/02/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1PHI61000423

Môn thi: **Triết học**

Mã ca thi: **THI195239**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **20/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211120008	Nguyễn Ngọc Thương	Doanh	22/09/1994						
2	211120011	Nguyễn Thị Thùy	Dương	11/03/1998						
3	211120012	Phạm Trà	Giang	07/08/1982						
4	211116001	Trần Nguyễn Ngọc	Hạnh	03/10/1982						
5	211120018	Lê Vinh Thái	Hiệp	13/11/1975						
6	211114017	Lê Thị	Huyền	22/08/1989						
7	211120025	Phan Đăng	Hùng	23/08/1981						
8	211120032	Trần Xuân	Linh	06/02/1985						
9	211120033	Vũ Thanh	Long	15/12/1976						
10	211120036	Nguyễn Giang	Nam	01/11/1991						
11	211120039	Vũ Trịnh Bảo	Ngọc	27/07/1998						
12	211120042	Nguyễn Quốc	Phú	23/06/1987						
13	211120043	Trần Hoàng Thiên	Phúc	08/10/1995						
14	211120047	Phan Vũ	Quỳnh	27/08/1998						
15	211120050	Trần Trung	Thành	02/07/1986						
16	211111121	Vũ Thị Thanh	Thu	09/09/1987						
17	211116004	Đoàn Thanh	Thủy	29/11/1984						
18	211120053	Lê Huyền	Thư	20/08/1994						
19	211116003	Nguyễn Thị Minh	Thư	09/05/1990						
20	211120057	Phạm Thị Kiều	Tiên	25/01/1987						
21	211109048	Nguyễn Cát	Tường	02/05/1999						
22	211110040	Hoàng Hải	Yến	17/11/1986						
23	192112009	Nguyễn Anh	Duy	02/09/1996						
24	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.2
LỚP 21CLAW52401

Môn thi: **Luật sở hữu trí tuệ (II)**

Mã ca thi: **THI195221**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	202120038	Trang Hoàng Thiên	Trúc	16/08/1997						
2	202120001	Phan Đăng Hoài	Ân	05/11/1982						
3	202120014	Võ Hoàng	Hải	08/10/1981						
4	202120016	Nguyễn Thúy	Hiền	01/11/1998						
5	202120009	Lỗ Thị	Dung	10/02/1993						
6	202120010	Lê Quốc	Duy	03/03/1980						
7	202120031	Nguyễn Thị	Thọ	04/04/1985						
8	202120023	Trương Trần Nguyễn	Nghĩa	01/01/1990						
9	202120002	Phạm Phú	Anh	12/10/1992						
10	202120028	Phan Minh	Thắng	21/04/1979						
11	202120036	Nguyễn Thị Ái	Trình	05/12/1983						
12	202120022	Nguyễn Thị Khánh	Ly	02/09/1993						
13	202120018	Nguyễn Thị Kim	Hương	18/08/1997						
14	202120034	Nguyễn Văn	Tiếp	25/03/1989						
15	202120029	Nguyễn Thị Mỹ	Thiện	05/07/1997						
16	202120037	Tạ Minh	Trình	10/03/1981						
17	202120039	Nguyễn Trần	Trung	30/05/1997						
18	202120035	Quách Minh	Trí	28/02/1990						
19	202120020	Hoàng Mỹ	Linh	12/08/1993						
20	202120030	Nguyễn Thị Xuân	Thịnh	18/01/1976						
21	202120019	Phạm Quang	Khải	25/12/1997						
22	202120040	Lê Thắng Anh	Tú	29/05/1997						
23	202120004	Phan Vũ Quốc	Cường	04/09/1988						
24	202120015	Dương Hồng	Hải	02/09/1979						
25	202120025	Dương Hồng	Phượng	18/08/1981						
26	202120005	Lý Tuấn	Diệu	06/06/1980						
27	202120024	Nguyễn Thị Hồng	Như	12/10/1989						
28	202120041	Mạnh Anh	Tuấn	31/03/1974						
29	202120021	Trần Ngọc	Lĩnh	03/10/1994						
30	201120039	Hoàng Quốc	Tuấn	12/11/1969						
31	202120012	Trần Văn	Giới	12/03/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	202120042	Nguyễn Đình	Kha	22/09/1986						
33	202120017	Hoàng Minh	Hòa	06/01/1984						
34	202120011	Hoa Vinh Tuấn	Duy	12/10/1990						
35	202120008	Huỳnh Minh	Đức	15/10/1973						
36	202120007	Phan Thanh Huy	Đức	18/07/1983						
37	202120003	Hoàng Kim Minh	Châu	20/05/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60700202

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán** Mã ca thi: **THI195240**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **22/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211114003	Đặng Thị Thu	Diệu	12/07/1996						
2	211114004	Trần Kim	Diệu	08/04/1987						
3	211114006	Nguyễn Thị Thùy	Dung	04/12/1991						
4	211114010	Nguyễn Thị	Hiền	19/11/1981						
5	211114012	Bùi Minh	Huệ	17/07/1993						
6	211114019	Nguyễn Nhật	Kiên	01/01/1987						
7	211114022	Lê Thị Kim	Luyến	12/10/1985						
8	211114024	Nguyễn Thị Ánh	Minh	15/07/1995						
9	211114028	Phạm Thị	Nga	10/03/1983						
10	211114033	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	25/10/1993						
11	211114040	Lâm Thị Hồng	Phương	22/03/1981						
12	211114036	Lê Hoàng Minh	Phương	29/02/1996						
13	211114037	Lê Hoàng Nguyên	Phương	29/02/1996						
14	211114041	Trần Khánh	Phương	06/02/1989						
15	211114039	Trương Thị	Phương	10/03/1989						
16	211114043	Đặng Vĩnh	Quang	07/03/1988						
17	211114045	Lê Hoàng	Sơn	24/08/1998						
18	211114047	Lê Thị Diệp	Thảo	06/08/1997						
19	211114048	Phan Thị	Thìn	12/07/1988						
20	211114052	Nguyễn Thu	Thủy	09/12/1990						
21	211114050	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/02/1998						
22	211114059	Nguyễn Thị Kim	Ứng	01/12/1998						
23	211114062	Đặng Thị	Vóc	16/04/1984						
24	211114063	Hoàng Đình	Vũ	24/09/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1GLO60301401

Môn thi: **Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu**

Mã ca thi: **THI195242**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **24/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201109001	Hồ Lê Trâm	Anh	11/06/1998						
2	201109002	Huỳnh Lê Phúc	Bảo	27/09/1998						
3	201109005	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	24/06/1994						
4	201109007	Nông Tuấn	Dũng	13/01/1992						
5	201109004	Nguyễn Thị Hồng	Đào	02/01/1997						
6	201109008	Dương Thị Thanh	Hằng	18/03/1996						
7	201109009	Nguyễn Ngọc Trung	Hiền	04/01/1996						
8	201109010	Lê Đức	Hoàng	30/01/1995						
9	201109011	Lữ Thị Khánh	Huyền	24/06/1998						
10	192109015	Trương Thị Thùy	Liên	28/08/1990						
11	201109013	Trần Thế	Lương	07/05/1984						
12	201109014	Nguyễn Thị	Ly	25/11/1989						
13	201109015	Trần Thị Thanh	Ngân	19/12/1997						
14	201109017	Ngô Xuân YẾN	Ngọc	12/11/1995						
15	201109018	Bùi Xuân	Nguyễn	02/04/1984						
16	201109019	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	22/08/1997						
17	201109020	Trần Thị	Oanh	08/01/1998						
18	201109021	Lê Thị Bích	Phượng	20/01/1989						
19	201109022	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	20/11/1997						
20	201109023	Nguyễn Thị Hồng	Sâm	14/03/1991						
21	201109024	Nguyễn Thị Diễm	Sương	12/10/1998						
22	201109025	Bùi Minh	Tân	05/04/1993						
23	201109026	Huỳnh Duy	Tấn	24/06/1989						
24	201109029	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/04/1994						
25	201109028	Nguyễn Thu	Thảo	23/11/1991						
26	201109027	Trương Thị	Thảo	06/02/1990						
27	201109030	Phạm Minh Ngọc	Thư	22/11/1997						
28	201109033	Trương Phạm Khánh	Vân	12/11/1988						
29	201109035	Phan Huỳnh Khánh	Vy	17/09/1994						
30	201109036	Lê Thị Phi	Yến	31/12/1988						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60202403

Môn thi: **Tài chính cho nhà quản trị**

Mã ca thi: **THI195243**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107008	Nguyễn Vũ Phương	Anh	04/09/1994						
2	211107005	Trần Kim	Anh	05/04/1997						
3	211107023	Đặng Trần Mỹ	Chung	22/10/1997						
4	211107028	Hồ Văn	Cường	01/01/1991						
5	211107026	Nguyễn Nhật	Cường	01/01/1989						
6	211107029	Nguyễn Phúc	Cường	04/07/1992						
7	211107031	Trương Hồng	Diệp	21/01/1983						
8	211107042	Phạm Quang	Duy	30/03/1995						
9	211107038	Trần Anh	Dũng	23/06/1998						
10	211107033	Nguyễn Thế Anh	Đức	27/09/1992						
11	211107071	Lê Nguyễn Minh	Hiền	14/10/1998						
12	211107068	Lê Thị Thúy	Hiền	06/03/1999						
13	211107076	Hoàng Minh	Hiếu	03/06/1994						
14	211107074	Trần Trung	Hiếu	05/08/1995						
15	211107073	Nguyễn Đức	Hiệp	27/02/1998						
16	211107081	Nguyễn Xuân	Hoàng	13/08/1988						
17	211107080	Nguyễn Tiến	Hòa	21/05/1996						
18	211107083	Lê Thị Thúy	Hồng	06/11/1983						
19	211107100	Bùi Thị Thanh	Huyền	27/05/1998						
20	211107103	Vũ Thị Kim	Khánh	30/10/1986						
21	202107093	Nguyễn Thị	Liên	02/10/1985						
22	202107096	Nguyễn Quang Thế	Linh	05/10/1996						
23	211107125	Đặng Thị Thúy	Mai	10/02/1996						
24	211107138	Trần Hồng	Nga	04/07/1998						
25	211107143	Nguyễn Lâm Phương	Ngân	31/08/1998						
26	211107141	Nguyễn Thị Giang	Ngân	29/11/1989						
27	211107140	Trần Thị Bích	Ngân	29/01/1995						
28	211107147	Nguyễn Bùi Hữu	Nghĩa	26/09/1990						
29	211107154	Nguyễn Trí Thành	Nhân	15/05/1990						
30	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
31	211107157	Trần Hoàng Anh	Nhi	23/08/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107167	Trần Minh Thục	Phán	11/01/1994						
33	211107173	Ngô Thị Kim	Phụng	16/07/1996						
34	192107135	Phan Đỗ Minh	Quân	25/10/1993						
35	211107195	Đoàn Đức	Quyền	13/11/1995						
36	211107197	Nguyễn Phụng	Quỳnh	01/07/1999						
37	211107208	Nguyễn Quốc	Thanh	03/03/1995						
38	211107214	Bùi Ngọc	Thảo	20/01/1998						
39	211107213	Lê Thị Thanh	Thảo	10/08/1996						
40	211107215	Trần Thị Thạch	Thảo	27/09/1996						
41	211107203	Ngô Anh Quốc	Thái	1983						
42	211107204	Thái Văn	Thắng	15/03/1992						
43	211107206	Trần Văn	Thắng	28/12/1990						
44	211107232	Nguyễn Thị Minh	Thuận	15/03/1985						
45	211107234	Lê Thị Thu	Thủy	23/05/1996						
46	211107235	Nguyễn Thị Phương	Thủy	01/09/1997						
47	211107236	Trần Bích	Thủy	15/08/1978						
48	211107230	Trần Thị Thanh	Thư	21/05/1995						
49	211107241	Lương Hồng	Toàn	20/10/1994						
50	211107250	Trần Thị Thùy	Trang	04/09/1998						
51	211107256	Ngô Mai	Trình	24/06/1997						
52	211107258	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	30/05/1995						
53	211107261	Nguyễn Hoàng Nguyên	Tú	02/04/1994						
54	211107272	Võ Nhật	Uyên	22/11/1999						
55	211107276	Mai Đỗ Tường	Vi	01/06/1993						
56	211107277	Nguyễn Ngọc	Vinh	31/07/1989						
57	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						
58	211107285	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/05/1989						
59	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1FIN60202404

Môn thi: **Tài chính cho nhà quản trị**

Mã ca thi: **THI195244**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107013	Nghiêm Thị Ngọc	Ánh	24/01/1998						
2	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
3	211107025	Lê Thị Ngọc	Cúc	31/10/1980						
4	211107040	Huỳnh Sơn	Dương	03/09/1993						
5	211107048	Nguyễn Thị Kim	Giao	23/03/1988						
6	211107050	Đông Hoàng	Hải	17/03/1993						
7	211107051	Ngô Thị Như	Hải	26/06/1995						
8	7701280601A	Trần Thành	Hón	15/06/1991						
9	211107085	Lê Doãn	Huân	20/01/1993						
10	211107095	Nguyễn Huỳnh	Huy	11/11/1988						
11	211107090	Huỳnh Công	Hung	28/07/1991						
12	211107102	Phạm Chí	Kha	25/03/1994						
13	211107121	Nguyễn Trường	Lưu	02/07/1995						
14	211107135	Lê Giang	Nam	04/10/1984						
15	211107146	Lê Trọng	Nghĩa	16/10/1995						
16	211107155	Nguyễn Minh	Nhật	07/04/1985						
17	211107156	Trần Thanh	Nhi	06/10/1997						
18	211107164	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/04/1987						
19	211107289	Xayyachack	Phaly	03/11/1987						
20	211107170	Ngô Văn	Phú	20/12/1996						
21	211107172	Võ Hiếu	Phúc	17/02/1987						
22	211107185	Trần Thị Mai	Phương	30/10/1989						
23	211107188	Vũ Hà	Phương	10/02/1994						
24	211107191	Lê Nguyễn Nam	Quang	15/04/1998						
25	211107211	Nguyễn Cao Chí	Thành	19/10/1998						
26	211107202	Tiêu Thành	Thái	05/07/1987						
27	211107221	Hoàng Thị	Thiện	17/03/1993						
28	211107222	Nguyễn Viết	Thịnh	20/10/1992						
29	211107224	Trần Phước	Thọ	06/02/1993						
30	211107227	Lê Minh	Thông	20/03/1997						
31	211107226	Trần Văn	Thông	12/07/1980						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107237	Trần Nguyễn Anh	Thy	22/05/1998						
33	211107249	Hồ Thị Thu	Trang	18/12/1985						
34	211107247	Diệp Bảo	Trân	27/11/1997						
35	211107255	Bùi Ngọc Khánh	Trình	19/07/1996						
36	211107265	Lê Văn	Tú	22/05/1993						
37	211107274	Ngô Thị Hồng	Vẹn	15/03/1993						
38	211107280	Phạm Văn	Vương	12/11/1996						
39	211107287	Nguyễn Thị Như	Ý	19/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1FIN60500501

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI195245**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **25/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111002	Phan Như Tuấn	Anh	15/09/1997						
2	201111005	Bùi Tấn	Bản	02/12/1997						
3	201111008	Nguyễn Võ Hoàng	Chương	15/04/1995						
4	201111009	Phạm Danh	Cung	12/04/1997						
5	201111012	Nguyễn Đình	Đại	28/10/1989						
6	201111015	Lê Thị	Giang	22/11/1992						
7	201111019	Lê Thị Thanh	Hà	26/11/1994						
8	201111016	Nguyễn Thu	Hà	02/07/1995						
9	201111018	Trần Thị Thu	Hà	15/09/1994						
10	201111022	Nguyễn Thị Cẩm	Hiền	11/03/1994						
11	201111030	Ngô Quốc	Huy	28/07/1989						
12	201111026	Ngô Mạnh	Hùng	31/10/1995						
13	7701280614A	Nguyễn Quang	Hưng	17/12/1993						
14	201111033	Lâm Tuấn	Lạc	28/02/1985						
15	201111037	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	19/07/1991						
16	201111039	Nguyễn Thái Hoài	Linh	07/03/1998						
17	201111040	Trần Thị Mỹ	Linh	17/12/1996						
18	201111042	Lê Hải	Long	28/07/1989						
19	201111046	Nguyễn Ngọc Diễm	Minh	05/10/1981						
20	201111052	Phạm Trí	Nghĩa	22/03/1996						
21	201111053	Lê Trần Bảo	Ngọc	14/02/1994						
22	201111055	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	12/03/1997						
23	201111056	Đào Nhật	Nguyên	07/03/1992						
24	201111062	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/11/1996						
25	201111065	Mai Thị Mỹ	Nương	12/05/1988						
26	201111066	Trần Thị Kim	Oanh	17/11/1996						
27	201111072	Đỗ Thị Lệ	Quyền	20/08/1985						
28	201111074	Lư Tấn	Sang	25/11/1995						
29	201111075	Phạm Tuấn	Sơn	05/07/1987						
30	201111078	Võ Văn	Thành	02/03/1992						
31	201111079	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/02/1995						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201111077	Nguyễn Ngọc	Thạch	07/10/1991						
33	201111080	Võ Thị Kim	Thoa	03/01/1994						
34	201111082	Nguyễn Công	Thủ	10/07/1991						
35	201111084	Trần Thị Ngọc	Thương	28/03/1986						
36	201111087	Cao Thị Ngọc	Trân	20/10/1993						
37	201111088	Huỳnh Thị Bảo	Trân	14/04/1992						
38	201111090	Võ Thị Thanh	Trúc	23/10/1987						
39	201111094	Thuận Lâm	Tuần	19/10/1993						
40	201111093	Dương Quốc	Tuấn	02/06/1991						
41	201111092	Trương Văn	Tuấn	27/05/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1RET60301501

Môn thi: **Quản trị bán lẻ**

Mã ca thi: **THI195246**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **26/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201110002	Đinh Trọng	Hữu	28/01/1992						
2	201110003	Nguyễn Thị Yên	Linh	08/07/1996						
3	201110004	Nguyễn Trần Ngọc	Linh	17/08/1993						
4	201110005	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	13/04/1997						
5	201110007	Võ Duy Thiên	Phú	14/10/1982						
6	201110008	Hoàng Bá	Quyền	19/05/1984						
7	201110009	Võ Thị Diễm	Sương	26/06/1996						
8	201110010	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/1997						
9	201110012	Tô Phương	Thảo	22/07/1995						
10	201110011	Vũ Thị Thu	Thảo	08/09/1987						
11	201110013	Mã Văn	Thu	25/11/1994						
12	201110014	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thy	15/01/1993						
13	201110015	Ngô Á	Tiên	20/05/1997						
14	201110016	Đặng Ngọc	Trâm	30/06/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1EBU60200405

Môn thi: **Kinh doanh điện tử**

Mã ca thi: **THI195248**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107005	Lê Hoàng	Anh	03/02/1994						
2	201107006	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	09/09/1994						
3	201107012	Nguyễn Văn Thiện	Bửu	24/10/1997						
4	201107014	Võ Ngọc	Châu	10/12/1993						
5	201107016	Trần Thành	Công	23/01/1985						
6	201107019	Bùi Thái Thanh	Danh	30/04/1997						
7	201107026	Đoàn Thị Thanh	Diệu	20/03/1995						
8	192107028	Châu Đỗ Hạnh	Dung	19/09/1994						
9	201107036	Lê Thị Trà	Giang	08/03/1994						
10	201107041	Lê Hồ Minh	Hằng	31/05/1997						
11	201107057	Nguyễn	Huỳnh	06/01/1998						
12	201107058	Y Khoa Niê	Kdăm	27/07/1997						
13	201107070	Phạm Thảo	Ly	11/06/1994						
14	192107095	Lê Thị Minh	Mẫn	21/02/1993						
15	192107108	Đoàn Thị Hồng	Nguyên	05/05/1977						
16	201107087	Hà Quốc	Nguyên	03/01/1996						
17	201107092	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	07/03/1994						
18	192107154	Phạm Thị Thanh	Tâm	18/10/1994						
19	192107164	Nguyễn Văn	Thành	18/03/1994						
20	201107111	Nguyễn Đức	Thịnh	26/09/1985						
21	201107112	Trần Mai	Thông	28/06/1996						
22	201107119	Võ Kiều Ngọc	Trâm	28/10/1986						
23	201107127	Đỗ Thị Hạnh	Trinh	25/09/1997						
24	201107128	Phan Thị Thủy	Trúc	24/10/1996						
25	201107129	Nguyễn Xuân	Trương	01/10/1977						
26	201107132	Phan Bùi Phương	Tuấn	14/08/1994						
27	201107136	Nguyễn Thị Thanh	Tuyết	12/08/1998						
28	201107139	Nguyễn Thị Diễm	Vân	09/04/1984						
29	201107150	Phan Nguyễn Thúy	Vy	24/02/1995						
30	201107054	Huỳnh Minh	Hưng	02/02/1997						
31	201107142	Nguyễn Thị Tường	Vi	14/10/1993						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201107122	Vũ Bảo	Trân	01/05/1995						
33	201107052	Phạm Văn	Hòa	13/10/1993						
34	201107071	Nguyễn Văn	Mạnh	19/11/1993						
35	201107045	Hồng Thanh	Hào	03/09/1992						
36	201107001	Nguyễn Thị Chiêu	An	19/04/1982						
37	201107151	Nguyễn Thị	Xuân	18/02/1984						
38	201107050	Lê Trung	Hiếu	29/05/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1FIN60500503

Môn thi: **Quản trị rủi ro tài chính**

Mã ca thi: **THI195249**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201111004	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	17/07/1995						
2	201111003	Phan Lê Minh	Anh	09/02/1997						
3	201111007	Vũ Thanh	Bình	30/03/1993						
4	201111010	Trần Quốc	Cường	15/10/1992						
5	192111023	Nguyễn Hồng	Duy	22/08/1994						
6	201111017	Trần Bảo Ngọc	Hà	10/05/1996						
7	7701280599A	Lê Minh	Hoàng	09/02/1995						
8	201111025	Hoàng Mạnh	Hùng	21/02/1993						
9	201111027	Lê Quang	Hung	15/09/1997						
10	201111029	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/08/1992						
11	201111028	Nguyễn Thị Thu	Hương	07/09/1994						
12	201111032	Trịnh Thị Xuân	Khuê	22/03/1990						
13	201111034	Nguyễn Thị Thanh	Lan	13/02/1994						
14	201111036	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	03/12/1995						
15	192111055	Đỗ Hoàng	Luân	11/11/1995						
16	201111043	Nguyễn Hiền	Lương	12/10/1988						
17	201111047	Trần Thị Ngọc	Minh	16/08/1995						
18	201111048	Vĩnh Lê Bảo	Minh	14/09/1996						
19	201111050	Dương Thị Hằng	Nga	30/04/1992						
20	201111057	Phạm Lê Hiếu	Nguyên	12/01/1998						
21	201111059	Trần Thanh	Nhàn	24/05/1993						
22	201111058	Nguyễn Phạm Viết	Nhã	12/09/1982						
23	201111060	Nguyễn Thành	Nhân	14/10/1997						
24	201111063	Ngô Bích	Nhung	29/01/1995						
25	201111064	Huỳnh Thị Ngọc	Nữ	01/01/1995						
26	201111069	Giang Huệ	Phương	23/12/1997						
27	201111076	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	29/10/1996						
28	192111102	Nguyễn Khoa Diệu	Thái	01/01/1993						
29	201111081	Ngô Thị Ngọc	Thu	21/12/1986						
30	201111085	Vũ Thị	Thúy	23/04/1979						
31	201111083	Nguyễn Thị Anh	Thư	30/11/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201111089	Phạm Thị Huyền	Trang	15/06/1985						
33	192111125	Phạm Thị Kiều	Trang	05/04/1993						
34	201111095	Bùi Thị Kim	Tuyền	22/10/1988						
35	201111096	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	13/03/1989						
36	201111097	Mạc Phương	Uyên	09/06/1997						
37	201111100	Nguyễn Minh	Yến	17/02/1995						
38	201111101	Trần Thị Ngọc	Yến	20/07/1990						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1HEA60102501

Môn thi: **Tổ chức và quản lý y tế**

Mã ca thi: **THI195251**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201103001	Huỳnh Quốc Bảo Phương	Anh	23/05/1997						
2	201103003	Nguyễn Thị Minh	Châu	20/12/1988						
3	201103005	Trần Thị	Diệu	07/02/1989						
4	201103004	Phan Hoàng Mẫn	Đạt	16/01/1992						
5	201103007	Đoàn Bích	Hà	25/02/1994						
6	201103006	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/12/1994						
7	201103009	Lê Kim	Hương	24/07/1983						
8	201103010	Phan Thị Kim	Loan	10/03/1986						
9	201103012	Trương Ngọc	Phượng	21/05/1993						
10	201103014	Lê Ngọc Mỹ	Thanh	09/05/1994						
11	201103013	Nguyễn Thị Kim	Thanh	19/11/1980						
12	201103015	Đỗ Thị	Trang	07/04/1993						
13	201103016	Trương Thiện	Tùng	21/03/1969						
14	201103017	Phạm Thanh	Uyên	24/05/1989						
15	201103018	Ngô Trần Khánh	Vy	08/09/1995						
16	201103019	Trần Thị	Yến	19/12/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1RES60102102

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu**

Mã ca thi: **THI195252**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **29/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201103001	Huỳnh Quốc Bảo	Anh	23/05/1997						
2	201103003	Nguyễn Thị Minh	Châu	20/12/1988						
3	201103005	Trần Thị	Diệu	07/02/1989						
4	201103004	Phan Hoàng Mẫn	Đạt	16/01/1992						
5	201103007	Đoàn Bích	Hà	25/02/1994						
6	201103006	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/12/1994						
7	201103009	Lê Kim	Hương	24/07/1983						
8	201103010	Phan Thị Kim	Loan	10/03/1986						
9	201103012	Trương Ngọc	Phượng	21/05/1993						
10	201103014	Lê Ngọc Mỹ	Thanh	09/05/1994						
11	201103013	Nguyễn Thị Kim	Thanh	19/11/1980						
12	201103015	Đỗ Thị	Trang	07/04/1993						
13	201103016	Trương Thiện	Tùng	21/03/1969						
14	201103017	Phạm Thanh	Uyên	24/05/1989						
15	201103018	Ngô Trần Khánh	Vy	08/09/1995						
16	201103019	Trần Thị	Yến	19/12/1994						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60201406

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI195253**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107001	Phạm Phú Thiên	An	24/11/1995						
2	211107003	Vũ Thị Hồng	Ân	11/04/1997						
3	211107016	Phạm Trần Xuân	Bảo	22/06/1993						
4	211107023	Đặng Trần Mỹ	Chung	22/10/1997						
5	211107029	Nguyễn Phúc	Cường	04/07/1992						
6	211107032	Hồ Gia Khánh	Định	15/10/1997						
7	211107034	Lâm	Đức	14/07/1985						
8	211107047	Nguyễn Hà	Giang	13/05/1987						
9	211107049	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	14/06/1991						
10	211107063	Trần Thị Bích	Hào	30/08/1985						
11	211107061	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	01/01/1988						
12	211107056	Phạm Thị	Hạnh	23/11/1996						
13	211107053	Đoàn Thị Thúy	Hằng	16/02/1990						
14	211107054	Võ Thị Phượng	Hằng	08/12/1994						
15	211107075	Phan Hoàng	Hiếu	20/02/1998						
16	211107073	Nguyễn Đức	Hiệp	27/02/1998						
17	211107082	Chung Dao	Hồng	14/10/1990						
18	211107096	Hồ Thị Hồng	Huyền	16/10/1996						
19	211107100	Bùi Thị Thanh	Huyền	27/05/1998						
20	211107098	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/1989						
21	211107088	Nguyễn Việt	Hùng	23/01/1995						
22	211107091	Huỳnh Lê	Hung	08/03/1989						
23	202107084	Đỗ Ngọc Yến	Khanh	07/09/1986						
24	211107130	Đào Lê Trúc	Mai	10/04/1997						
25	211107125	Đặng Thị Thúy	Mai	10/02/1996						
26	211107131	Võ Thị Thu	Miền	18/11/1993						
27	211107132	Bùi Hữu	Minh	01/06/1997						
28	211107138	Trần Hồng	Nga	04/07/1998						
29	211107143	Nguyễn Lâm Phương	Ngân	31/08/1998						
30	211107141	Nguyễn Thị Giang	Ngân	29/11/1989						
31	211107145	Nguyễn Huỳnh Phúc	Nghi	30/10/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107149	Nguyễn Bảo	Ngọc	05/05/1999						
33	211107152	Nguyễn Vinh	Nguyên	28/11/1996						
34	211107153	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	02/06/1998						
35	211107160	Huỳnh Thị Phương	Nhi	20/12/1987						
36	211107157	Trần Hoàng Anh	Nhi	23/08/1996						
37	211107162	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	10/05/1997						
38	211107171	Phùng Thị Hồng	Phúc	31/10/1995						
39	211107175	Nguyễn Anh	Phụng	29/05/1999						
40	211107183	Hàn Trọng	Phương	05/03/1990						
41	211107182	Nguyễn Thị Nhất	Phương	18/06/1990						
42	211107208	Nguyễn Quốc	Thanh	03/03/1995						
43	211107215	Trần Thị Thạch	Thảo	27/09/1996						
44	211107252	Nguyễn Thị Thu	Trang	30/10/1985						
45	211107250	Trần Thị Thùy	Trang	04/09/1998						
46	211107258	Nguyễn Thị Hồng	Trúc	30/05/1995						
47	211107260	Vũ Nhật	Trường	22/11/1992						
48	211107267	Nguyễn Vũ Anh	Tuấn	29/10/1997						
49	211107271	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	12/03/1996						
50	211107270	Nguyễn Thanh	Tuyền	20/08/1994						
51	211107278	Huỳnh Hoàng	Vũ	27/07/1982						
52	211107279	Nguyễn Thiên	Vũ	27/02/1991						
53	211107286	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	03/11/1999						
54	211107281	Phạm Trần Tường	Vy	10/09/1989						
55	211107284	Trần Đắc Tường	Vy	21/10/1997						
56	211107288	Nguyễn Trang Xuân	Yến	03/01/1993						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60201404

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Mã ca thi: **THI195254**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211107005	Trần Kim	Anh	05/04/1997						
2	211107019	Nguyễn Thị	Bình	27/04/1994						
3	211107021	Ngô Minh	Châu	07/11/1988						
4	211107042	Phạm Quang	Duy	30/03/1995						
5	211107044	Lê Thị Mỹ	Duyên	16/05/1996						
6	202107040	Trương Thị Ngọc	Duyên	27/08/1991						
7	211107062	Hoàng Nguyễn Quách	Hào	20/05/1998						
8	211107051	Ngô Thị Như	Hải	26/06/1995						
9	211107071	Lê Nguyễn Minh	Hiền	14/10/1998						
10	211107068	Lê Thị Thúy	Hiền	06/03/1999						
11	211107069	Trần Thu	Hiền	18/11/1997						
12	211107074	Trần Trung	Hiếu	05/08/1995						
13	211107080	Nguyễn Tiến	Hòa	21/05/1996						
14	211107083	Lê Thị Thúy	Hồng	06/11/1983						
15	211107099	Nguyễn Phạm Ngọc	Huyền	07/11/1981						
16	211107093	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/09/1975						
17	201107061	Nguyễn Đức	Khánh	05/09/1993						
18	211107104	Ngô Đăng	Khoa	30/04/1994						
19	202107093	Nguyễn Thị	Liên	02/10/1985						
20	211107111	Đỗ Thị Thùy	Linh	19/10/1995						
21	211107118	Nguyễn Hữu	Long	10/10/1992						
22	211107124	Phan Thu	Lý	10/10/1993						
23	211107135	Lê Giang	Nam	04/10/1984						
24	201107086	Trần Khôi	Nguyên	02/10/1983						
25	211107158	Nguyễn Yến	Nhi	16/08/1999						
26	211107161	Bùi Thị Huỳnh	Như	11/11/1996						
27	211107168	Huỳnh Tường	Phát	07/02/1985						
28	211107172	Võ Hiếu	Phúc	17/02/1987						
29	202107142	Nguyễn Quỳnh	Quỳnh	23/07/1995						
30	211107197	Nguyễn Phụng	Quỳnh	01/07/1999						
31	211107198	Nguyễn Phước	Sang	18/07/1985						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211107199	Lê Thị Thanh	Tâm	26/09/1984						
33	211107217	La Hồng Phương	Thảo	17/01/1998						
34	211107219	Trần Thị Thanh	Thảo	15/04/1993						
35	211107205	Hà Đức	Thắng	01/06/1994						
36	211107223	Vũ Ngọc	Thịnh	07/09/1987						
37	192107179	Lê Văn	Thuận	01/09/1986						
38	211107236	Trần Bích	Thủy	15/08/1978						
39	211107229	Nguyễn Trần Đà	Thư	09/08/1996						
40	211107239	Trần Văn	Tiền	21/07/1974						
41	211107247	Diệp Bảo	Trân	27/11/1997						
42	211107255	Bùi Ngọc Khánh	Trinh	19/07/1996						
43	211107253	Nguyễn Minh	Trí	03/09/1998						
44	211107272	Võ Nhật	Uyên	22/11/1999						
45	192107215	Lê Thị Thúy	Vi	26/04/1995						
46	211107276	Mai Đỗ Tường	Vi	01/06/1993						
47	211107280	Phạm Văn	Vương	12/11/1996						
48	211107283	Nguyễn Thị Thanh	Vy	22/06/1987						
49	211107287	Nguyễn Thị Như	Ý	19/04/1996						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21DIINT60600902

Môn thi: **Ngân hàng đầu tư**

Mã ca thi: **THI195256**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201112001	Nguyễn Duy	Bình	08/03/1994						
2	201112005	Đặng Thị Thùy	Dung	30/10/1990						
3	201112004	Hồ Phan Đức	Dung	15/10/1997						
4	201112006	Nguyễn Anh	Duy	28/06/1996						
5	201112007	Nguyễn Đức	Duy	22/04/1992						
6	201112008	Nguyễn Bảo	Giang	14/11/1997						
7	201112009	Nguyễn Hoàng Như	Hà	07/06/1991						
8	201112011	Hoàng Nguyễn Minh	Hằng	08/05/1991						
9	201112010	Nguyễn Dương Gia	Hân	15/11/1997						
10	201112013	Võ Trần Thu	Hiền	17/12/1995						
11	201112016	Nguyễn Bảo Minh	Hoàng	10/10/1995						
12	201112015	Phạm Tô Minh	Hoàng	18/11/1996						
13	201112021	Huỳnh Đức	Huy	19/04/1996						
14	201112020	Nguyễn Hoàng	Huy	28/03/1996						
15	201112022	Trần Hoàng Quốc	Huy	22/06/1997						
16	201112019	Nguyễn Quang	Hướng	16/11/1995						
17	201112025	Nguyễn Tấn	Khoa	10/01/1998						
18	201112024	Trần Võ Anh	Khoa	06/06/1996						
19	201112026	Lưu Minh	Kiệt	24/07/1994						
20	201112028	Đào Mỹ	Linh	31/03/1997						
21	201112030	Phạm Ngọc	Long	18/08/1990						
22	201112031	Phan Thị Mỹ	Ly	30/07/1996						
23	201112032	Phan Thị	Mai	12/01/1995						
24	201112033	Trần Ngọc Thảo	Ngân	05/04/1994						
25	201112034	Nguyễn Thị Yên	Nhi	31/12/1993						
26	201112036	Đặng Thị Ái	Như	18/09/1994						
27	201112037	Trần Thị	Quy	06/12/1992						
28	201112041	Lâm Văn	Thành	10/06/1998						
29	201112042	Phạm Thị Thanh	Thảo	03/05/1989						
30	201112039	Trần Quang	Thái	16/05/1981						
31	201112043	Nguyễn Minh	Thuận	10/08/1988						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201112044	Đặng Thị	Thúy	20/02/1997						
33	201112046	Lê Nhật	Tín	13/02/1995						
34	201112047	Nguyễn Văn	Tới	05/05/1991						
35	201112050	Lê Thị Huyền	Trang	02/12/1997						
36	201112049	Trần Lê Quỳnh	Trang	06/12/1997						
37	201112048	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/09/1997						
38	201112051	Huỳnh Minh	Tuấn	17/09/1993						
39	201112054	Phạm Thị	Vui	28/04/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1EBU60200402

Môn thi: **Kinh doanh điện tử**

Mã ca thi: **THI195257**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201107011	Lê Thanh	Bình	07/12/1991						
2	201107015	Đào Mỹ	Chi	11/04/1988						
3	201107022	Trần Thiên	Di	17/06/1984						
4	201107023	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	08/07/1991						
5	201107029	Trần Thị Bích	Dung	30/06/1994						
6	201107034	Lê Thị Mỹ	Duyên	14/02/1998						
7	201107028	Nguyễn Trung	Đức	24/09/1995						
8	192107044	Trần Văn	Hải	18/04/1991						
9	201107044	Hồ Xuân	Hạnh	05/08/1992						
10	201107047	Đinh Vũ Ngọc	Hiền	19/06/1989						
11	201107051	Dương Thị Thanh	Hoa	28/08/1998						
12	201107053	Nguyễn Minh	Hùng	27/05/1994						
13	201107059	Đinh Viết	Kết	19/11/1984						
14	192107070	Võ Huỳnh Đông	Khang	21/01/1997						
15	201107060	Nguyễn Vũ	Khải	10/01/1991						
16	201107066	Bùi Hồng	Linh	26/04/1990						
17	201107075	Lê Ngọc	Nam	13/02/1995						
18	201107074	Nguyễn Đình	Nam	15/12/1995						
19	201107083	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/09/1994						
20	201107086	Trần Khôi	Nguyên	02/10/1983						
21	201107097	Nguyễn Triều Dương	Quang	28/05/1994						
22	201107099	Võ Nhựt	Quế	13/11/1996						
23	201107104	Nguyễn Phương Minh	Tâm	14/10/1996						
24	202107152	Lê Ngọc	Thái	07/09/1977						
25	192107158	Nguyễn Ngọc	Thái	23/05/1996						
26	201107116	Nguyễn Ngọc	Tiến	10/10/1991						
27	201107124	Nguyễn Kiều Bảo	Trân	17/12/1996						
28	201107126	Trương Minh	Trí	06/04/1979						
29	201107133	Lê Thị Kim Linh	Tuyền	07/03/1983						
30	201107138	Nguyễn Lê Phương	Uyên	27/12/1992						
31	201107143	Võ Quốc	Việt	15/03/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201107144	Phan Thành	Vinh	14/03/1997						
33	201107146	Trần Cao	Vinh	02/01/1993						
34	192107219	Võ Hoàng	Vũ	19/08/1995						
35	201107149	Nguyễn Thị Hoài	Vy	02/02/1997						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1INF60900101

Môn thi: **Thiết kế thông tin và chiến lược nội dung** Mã ca thi: **THI195258**
Thời gian thi: _____ Giờ thi: _____
Ngày thi: **30/09/2021** Phòng thi: _____

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211118003	Nguyễn Trung	Duy	11/10/1995						
2	211118001	Nguyễn Giang	Đào	05/11/1990						
3	211118002	Nguyễn Anh Quốc	Đạt	08/09/1993						
4	211118004	Nguyễn Hồng	Hải	21/11/1997						
5	211118005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/03/1985						
6	211118006	Cao Việt	Hùng	28/11/1992						
7	211118007	Nguyễn Huy	Khoa	16/11/1996						
8	211118008	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	16/06/1994						
9	211118009	Vũ Hoàng Hà	Linh	11/01/1989						
10	211118010	Quan Toại	Mẫn	11/10/1994						
11	211118011	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/04/1998						
12	211118012	Nguyễn Thanh	Tâm	31/08/1991						
13	211118013	Bùi Thị Kim	Thanh	24/09/1992						
14	211118015	Lê Ngọc	Toàn	02/11/1994						
15	211118016	Trịnh Hoàng	Việt	10/10/1991						
16	211118017	Trần Hoàn	Vũ	30/07/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1STA60900301

Môn thi: **Thông kê máy học**

Mã ca thi: **THI195259**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211118003	Nguyễn Trung	Duy	11/10/1995						
2	211118001	Nguyễn Giang	Đào	05/11/1990						
3	211118002	Nguyễn Anh Quốc	Đạt	08/09/1993						
4	211118004	Nguyễn Hồng	Hải	21/11/1997						
5	211118005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	20/03/1985						
6	211118006	Cao Việt	Hùng	28/11/1992						
7	211118007	Nguyễn Huy	Khoa	16/11/1996						
8	211118008	Nguyễn Thị Hoàng	Liên	16/06/1994						
9	211118009	Vũ Hoàng Hà	Linh	11/01/1989						
10	211118010	Quan Toại	Mẫn	11/10/1994						
11	211118011	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	23/04/1998						
12	211118012	Nguyễn Thanh	Tâm	31/08/1991						
13	211118014	Nguyễn Phan Chí	Thành	23/05/1983						
14	211118015	Lê Ngọc	Toàn	02/11/1994						
15	211118016	Trịnh Hoàng	Việt	10/10/1991						
16	211118017	Trần Hoàn	Vũ	30/07/1984						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1COR60500201

Môn thi: **Tài chính doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195260**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111001	Cao Hoàng	An	16/01/1992						
2	211111004	Lê Tuấn	Anh	28/04/1995						
3	211111007	Hoàng Quốc	Bảo	28/11/1992						
4	211111006	Trần Lê Thiên	Bảo	28/09/1989						
5	211111013	Nguyễn Đăng Bảo	Châu	27/06/1997						
6	211111016	Trịnh Lê Hoàng	Diễm	20/04/1998						
7	211111024	Lê Nhất Phương	Duy	21/11/1992						
8	211111023	Nguyễn Đức	Duy	07/08/1997						
9	211111027	Lưu Nguyễn	Duyên	13/12/1998						
10	211111019	Mai Phước Mi	Đol	09/09/1990						
11	211111021	Trần Tuấn	Đức	28/03/1997						
12	211111032	Phan Lưu Song	Hà	12/11/1998						
13	211111037	Võ Thị Tuyết	Hạnh	13/04/1998						
14	211111036	Đoàn Kim	Hận	02/01/1995						
15	211111040	Dương Thị Thu	Hiền	05/10/1990						
16	211111039	Trà Thị Thu	Hiền	05/08/1997						
17	211111047	Phan Lan	Hương	22/06/1994						
18	211111057	Diệp Thị Đăng	Khoa	29/06/1996						
19	211111058	Nguyễn Tấn	Khuong	02/10/1989						
20	211111063	Lê Nhật	Linh	31/01/1997						
21	211111069	Đỗ Thụy Thúy	Mai	04/09/1987						
22	211111068	Phạm Thị	Mai	25/11/1997						
23	211111071	Huỳnh Thị Kiều	Mi	16/09/1998						
24	211111072	Nguyễn Thị Trà	My	06/05/1993						
25	201111050	Dương Thị Hằng	Nga	30/04/1992						
26	211111074	Nguyễn Thị Hồng	Nga	04/08/1996						
27	211111076	Lê Thị Thùy	Ngân	18/10/1997						
28	211111077	Lê Tuấn	Nghĩa	18/02/1996						
29	211111078	Phạm Thị Bích	Ngọc	03/11/1992						
30	211111081	Lưu Ngọc Kim	Nguyên	07/02/1996						
31	211111084	Nguyễn Hữu	Nhân	24/10/1996						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111086	Lê Thị Cẩm	Nhung	01/09/1992						
33	211111088	Trần Văn	Ninh	04/03/1997						
34	211111089	Võ Thị Kim	Oanh	17/11/1992						
35	211111090	Nguyễn Ngọc	Ốn	19/09/1994						
36	211111091	Trần Thanh	Phong	08/09/1995						
37	211111102	Mai Thân Thủy	Quỳnh	04/05/1997						
38	211111101	Trương Nguyễn Như	Quỳnh	16/01/1999						
39	211111107	Bùi Thị	Tâm	03/03/1994						
40	211111109	Trương Thị	Tân	10/06/1994						
41	211111110	Nguyễn Công	Thái	25/06/1975						
42	211111111	Phan Thị	Thắm	01/01/1985						
43	211111127	Nguyễn Thị Lan	Thương	05/02/1989						
44	211111131	Nguyễn Văn	Tiền	01/01/1997						
45	211111132	Huỳnh Tiến	Tín	09/12/1983						
46	211111133	Nguyễn Trung	Toán	10/07/1996						
47	211111139	Đoàn Nguyễn Việt	Trang	16/12/1991						
48	211111137	Hoàng Thị Thùy	Trang	28/08/1997						
49	211111141	Nguyễn Thị Đoan	Trang	04/05/1990						
50	211111142	Phan Thị Quyền	Trang	18/10/1992						
51	211111136	Trần Thị Thanh	Trâm	20/01/1994						
52	211111143	Đặng Nhật	Trường	04/01/1995						
53	211111149	Lê Hồng Phương	Tuyết	11/08/1990						
54	211111148	Nguyễn Tiến	Tùng	20/11/1991						
55	211111152	Trần Lê	Vi	28/09/1997						
56	211111154	Nguyễn Nữ Trúc	Vy	24/06/1998						
57	211111155	Nguyễn Hữu Khắc	Xuyên	10/12/1993						
58	201111054	Lưu	Ngọc	10/07/1979						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1COR60500203

Môn thi: **Tài chính doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195261**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111005	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	05/10/1989						
2	211111008	Nguyễn Thanh	Bình	10/11/1984						
3	211111009	Nguyễn Yên	Bình	03/05/1992						
4	211111010	Nguyễn Thị Mai	Ca	10/08/1995						
5	211111014	Lê Thị Minh	Châu	15/11/1993						
6	211111015	Phạm Ngọc	Châu	12/04/1996						
7	211111012	Phạm Trần	Châu	14/09/1998						
8	211111017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	30/09/1996						
9	211111026	Huỳnh Anh	Duy	31/07/1992						
10	211111022	Phạm Thị Thùy	Dương	23/08/1991						
11	211111020	Nguyễn Phương	Đông	13/11/1992						
12	211111030	Vũ Thị	Giao	06/02/1993						
13	211111033	Phạm Thị Thanh	Hà	20/12/1981						
14	211111034	Nguyễn Thanh	Hải	16/06/1990						
15	211111035	Nguyễn Thanh	Hải	09/12/1997						
16	211111043	Nguyễn Hữu	Hiếu	13/09/1997						
17	211111042	Nguyễn Trung	Hiếu	15/09/1990						
18	211111051	Trần Thị Thanh	Huyền	01/10/1997						
19	211111053	Đặng Nguyễn Như	Huỳnh	15/10/1993						
20	211111052	Nguyễn Huy	Huỳnh	01/02/1989						
21	211111046	Phạm Ngọc	Hưng	11/03/1994						
22	211111060	Phạm Thị Nhật	Lê	07/06/1994						
23	211111062	Đinh Hoàng Bảo	Linh	20/10/1997						
24	211111064	Đỗ Mai	Linh	29/10/1998						
25	211111065	Kim Thanh	Long	09/04/1994						
26	211111066	Nguyễn Trí	Luật	14/11/1997						
27	211111073	Nguyễn Hải	Nam	02/08/1983						
28	211111079	Đặng Thị Bích	Ngọc	15/05/1991						
29	211111080	Hoàng Minh	Nguyên	01/07/1996						
30	211111082	Lê Nguyễn Đăng	Nguyên	20/10/1998						
31	211111083	Nguyễn Hữu	Nhân	06/05/1991						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	211111085	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	06/06/1997						
33	211111087	Nguyễn Hồng	Nhung	01/02/1996						
34	211111093	Lê Thanh	Phuong	27/07/1975						
35	211111094	Trần Thị Kim	Phuong	08/01/1987						
36	211111092	Nguyễn Thị Hồng	Phước	26/09/1998						
37	211111098	Lê Anh	Quốc	25/04/1999						
38	211111100	Phạm Bá	Quyền	13/10/1989						
39	211111099	Nguyễn Khâm	Quý	13/02/1994						
40	211111183	Trương Kim	Sang	08/11/1992						
41	211111103	Đặng Hoàng	Son	29/07/1998						
42	211111104	Nguyễn Hữu Nam	Son	18/03/1998						
43	211111106	Nguyễn Minh	Tâm	07/02/1992						
44	211111114	Nguyễn Tâm	Thanh	13/10/1994						
45	211111118	Nguyễn Hạ	Thảo	02/10/1994						
46	211111112	Thái Thị Ngọc	Thắm	14/11/1997						
47	211111119	Phạm Trần Thanh	Thi	01/03/1998						
48	211111120	Nguyễn Thị Quỳnh	Thơ	24/10/1993						
49	211111128	Cao Thị Phương	Thúy	10/05/1989						
50	211111124	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/08/1991						
51	211111145	Lê Công Quốc	Tuấn	19/06/1995						
52	211111147	Đỗ Thanh	Tùng	11/06/1997						
53	211111151	Tạ	Văn	04/01/1990						
54	211111150	Phạm Thị	Vân	19/06/1998						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 30.1
LỚP 21D1FIN60600501

Môn thi: **Quản trị định chế tài chính**

Mã ca thi: **THI195262**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	201112001	Nguyễn Duy	Bình	08/03/1994						
2	201112005	Đặng Thị Thùy	Dung	30/10/1990						
3	201112004	Hồ Phan Đức	Dung	15/10/1997						
4	201112006	Nguyễn Anh	Duy	28/06/1996						
5	201112007	Nguyễn Đức	Duy	22/04/1992						
6	201112008	Nguyễn Bảo	Giang	14/11/1997						
7	201112009	Nguyễn Hoàng Như	Hà	07/06/1991						
8	201112011	Hoàng Nguyễn Minh	Hằng	08/05/1991						
9	201112010	Nguyễn Dương Gia	Hân	15/11/1997						
10	202112016	Nguyễn Thị	Hậu	26/10/1993						
11	201112013	Võ Trần Thu	Hiền	17/12/1995						
12	201112016	Nguyễn Bảo Minh	Hoàng	10/10/1995						
13	201112015	Phạm Tô Minh	Hoàng	18/11/1996						
14	201112021	Huỳnh Đức	Huy	19/04/1996						
15	201112020	Nguyễn Hoàng	Huy	28/03/1996						
16	201112022	Trần Hoàng Quốc	Huy	22/06/1997						
17	201112019	Nguyễn Quang	Hướng	16/11/1995						
18	201112023	Ngô Phúc	Khánh	12/03/1997						
19	201112025	Nguyễn Tấn	Khoa	10/01/1998						
20	201112024	Trần Võ Anh	Khoa	06/06/1996						
21	201112026	Lưu Minh	Kiệt	24/07/1994						
22	201112028	Đào Mỹ	Linh	31/03/1997						
23	201112029	Ngô Thị Diệu	Linh	09/09/1995						
24	201112030	Phạm Ngọc	Long	18/08/1990						
25	201112031	Phan Thị Mỹ	Ly	30/07/1996						
26	201112032	Phan Thị	Mai	12/01/1995						
27	201112033	Trần Ngọc Thảo	Ngân	05/04/1994						
28	201112034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	31/12/1993						
29	201112036	Đặng Thị Ái	Như	18/09/1994						
30	201112037	Trần Thị	Quy	06/12/1992						
31	201112041	Lâm Văn	Thành	10/06/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
32	201112042	Phạm Thị Thanh	Thảo	03/05/1989						
33	201112039	Trần Quang	Thái	16/05/1981						
34	201112043	Nguyễn Minh	Thuận	10/08/1988						
35	201112045	Trần Thị Ngọc	Thùy	02/07/1998						
36	201112044	Đặng Thị	Thúy	20/02/1997						
37	201112046	Lê Nhật	Tín	13/02/1995						
38	201112047	Nguyễn Văn	Tới	05/05/1991						
39	201112050	Lê Thị Huyền	Trang	02/12/1997						
40	201112049	Trần Lê Quỳnh	Trang	06/12/1997						
41	201112048	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	16/09/1997						
42	201112051	Huỳnh Minh	Tuấn	17/09/1993						
43	201112054	Phạm Thị	Vui	28/04/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1COR60500202

Môn thi: **Tài chính doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195263**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111003	Nguyễn Thị Thu	Anh	13/04/1985						
2	211111011	Lê Hiếu Trung	Chánh	16/01/1996						
3	211111025	Nguyễn Anh	Duy	15/11/1997						
4	211111028	Nguyễn Thị Bắc	Duyên	08/12/1993						
5	211111018	Lê Tuấn	Định	03/01/1997						
6	211111031	Trịnh Bích	Hà	27/08/1986						
7	211111038	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/10/1996						
8	211111041	Lương Thị Thu	Hiền	05/02/1999						
9	211111044	Kiều Ngọc	Hoa	15/01/1984						
10	211111045	Đặng Vi Ngọc	Hoàng	12/08/1988						
11	201111024	Trần Thanh	Hoàng	03/09/1997						
12	211111049	Nguyễn	Huy	09/12/1996						
13	211111050	Lê Vương Quốc Thúy	Huyền	27/02/1982						
14	211111048	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/05/1997						
15	211111054	Tăng Trần Tấn	Khải	07/08/1980						
16	202111051	Uông Tùng	Khánh	15/11/1993						
17	211111059	Phạm Phương	Lâm	12/04/1993						
18	202111060	Nguyễn Mai Kim	Liên	18/05/1996						
19	211111075	Lâm Tố	Nga	28/04/1998						
20	211111095	Hoàng Thị	Phượng	26/05/1998						
21	211111096	Lê Thị Bích	Phượng	08/12/1987						
22	211111184	Yorn	Rortana	06/11/1992						Nợ HP
23	211111105	Ngô Xuân	Son	11/01/1973						
24	211111108	Võ Duy	Tân	06/05/1995						
25	211111115	Hoàng Uyên	Thanh	08/12/1989						
26	211111117	Nguyễn Ngọc	Thanh	29/05/1994						
27	211111121	Vũ Thị Thanh	Thu	09/09/1987						
28	211111125	Nguyễn Hữu	Thuận	02/11/1991						
29	211111123	Nguyễn Minh	Thư	02/04/1991						
30	211111122	Trần Thị Anh	Thư	10/03/1998						

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
31	211111126	Phan Trọng	Thức	03/01/1989						
32	211111140	Nguyễn Thị Kiều	Trang	06/09/1996						
33	211111138	Nguyễn Thị Thanh	Trang	15/05/1995						
34	211111146	Nguyễn Minh	Tuấn	19/12/1994						
35	211111144	Nguyễn Minh	Tú	10/01/1994						
36	211111153	Nguyễn Thị Yên	Vương	16/10/1989						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1COR60500204

Môn thi: **Tài chính doanh nghiệp**

Mã ca thi: **THI195264**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211111156	Lê Nguyễn Phước	An	24/09/1987						Nợ HP
2	211111158	Đỗ Vũ Tuấn	Anh	18/09/1981						Nợ HP
3	211111157	Lê Thị Kim	Anh	05/06/1983						Nợ HP
4	211111159	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	02/09/1982						Nợ HP
5	211111162	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	25/01/1981						Nợ HP
6	211111163	Phạm Thị Thùy	Dương	01/07/1985						Nợ HP
7	211111160	Văn Minh	Điền	18/12/1983						Nợ HP
8	211111161	Phạm Trần Minh	Đông	13/03/1991						
9	211111164	Trần Xuân	Hoàng	30/06/1992						Nợ HP
10	211111165	Đoàn Duy	Khuong	30/05/1979						Nợ HP
11	211111166	Trịnh Thị Tuyết	Lan	14/11/1983						
12	211111167	Nguyễn Thị Kim	Liên	09/12/1980						Nợ HP
13	211111168	Đặng Quang	Minh	24/09/1987						Nợ HP
14	211111169	Lê Hoàng	Nam	17/09/1986						Nợ HP
15	211111170	Lương Thị Hằng	Nga	29/08/1988						Nợ HP
16	211111172	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	Ngân	13/08/1989						Nợ HP
17	211111171	Nguyễn Phương	Ngân	09/10/1989						Nợ HP
18	211111173	Trần Thị Ngọc	Phương	12/10/1989						Nợ HP
19	211111174	Đồng Phúc	Thiện	18/10/1991						Nợ HP
20	211111175	Trần Thị Thanh	Thủy	11/11/1986						Nợ HP

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
21	211111176	Đỗ Huyền Kim	Thy	05/12/1985						Nợ HP
22	211111177	Phạm Thị Bích	Tiền	06/06/1986						Nợ HP
23	211111179	Lê Thụy Thùy	Trang	26/03/1981						Nợ HP
24	211111178	Nguyễn Quốc	Trầm	14/10/1981						Nợ HP
25	211111180	Phạm Thị Ngọc	Trình	06/02/1991						Nợ HP
26	211111181	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	02/08/1985						Nợ HP
27	211111182	Nguyễn Trịnh Kim	Yến	16/09/1983						Nợ HP

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trường (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1ECOH51001

Môn thi: **Kinh tế vi mô dành cho y tế**

Mã ca thi: **THI195265**

Thời gian thi:

Giờ thi:

Ngày thi: **30/09/2021**

Phòng thi:

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211103001	Phan Vũ	Anh	17/07/1985						
2	211103002	Giang Thị Ngọc	Châu	16/03/1995						
3	211103004	Trần Thị Hương	Giang	10/10/1995						
4	211103005	Nguyễn Trung	Hiếu	24/06/1986						
5	211103006	Nguyễn Thanh	Hương	25/12/1973						
6	211103007	Nguyễn Thị Xuân	Hương	06/01/1990						
7	211103008	Trần Trí	Kiên	09/11/1986						
8	211103009	Lê Thùy	Linh	17/09/1994						
9	211103010	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	30/12/1993						
10	211103011	Trần Hồng Bảo	Ngọc	16/12/1991						
11	211103012	Huỳnh Lê Lưu	Phú	19/01/1990						
12	211103013	Lê Thị	Thảo	03/03/1993						
13	211103015	Phan Thị	Thơm	09/01/1989						
14	211103016	Võ Chí	Thương	17/03/1996						
15	211103017	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/05/1992						
16	211103018	Trần Ngọc Như	Trang	23/07/1991						
17	211103019	Phạm Nữ Hiền	Vân	29/09/1989						
18	211103020	Bùi Quốc	Việt	15/07/1987						
19	211103021	Phạm Thị	Yến	06/05/1991						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC 31.1
LỚP 21D1RES60401501

Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực tài chính công** Mã ca thi: **THI195266**
Thời gian thi: _____ Giờ thi: _____
Ngày thi: **30/09/2021** Phòng thi: _____

STT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN		NGÀY SINH	SỐ TỜ	CHỮ KÝ	ĐIỂM MÔN HỌC		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
							Giữa kỳ Trsố:	Cuối kỳ Trsố:		
1	211113001	Nguyễn Thị Kim	Hồng	11/10/1990						
2	211113002	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/10/1987						
3	211113003	Phạm Xuân	Kiểm	28/09/1992						
4	211113004	Vũ Phước	Linh	16/11/1992						
5	211113005	Lê Thị Quý	Mến	10/02/1984						
6	211113006	Nguyễn La Diễm	Nhi	21/07/1992						
7	211113008	Nguyễn Lê	Phương	09/10/1995						

Tổng bài có điểm quá trình: _____

Số HV dự thi: _____

Số tờ giấy thi: _____

Họ tên, chữ ký cán bộ coi thi

1. _____

2. _____

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm điểm quá trình:

Họ tên, chữ ký giảng viên chấm thi kết thúc học phần:

Họ tên, chữ ký của Trưởng (Phó) bộ môn
